Áp lực bán trên VIC

Dựa trên số liệu ngày 26/08/2026, chúng tôi dự báo thay đổi cổ phiếu thành phần của các quỹ ETF và các chỉ số trong đợt review trong quý 3 năm 2026 như sau:

- **Chỉ số STOXX Vietnam Total Market Liquid Index** có thể loại NKG khỏi danh mục và không thêm mới cổ phiếu nào trong đợt review này. Tỷ trọng và danh sách cổ phiếu mới sẽ được công bố ngày 11/09/2026 và có hiệu lực ngày 21/09/2026.

- **Chỉ số MarketVector Vietnam Local Index** có thể thêm mới SSB và TPB, đồng thời loại CEO và FTS. Tỷ trọng và danh sách cổ phiếu mới sẽ được công bố ngày 11/09/2026 và có hiệu lực ngày 21/09/2026.

- **Quỹ Fubon FTSE Vietnam ETF** có thể thêm MCH và VPL, đồng thời loại KDH. Tỷ trọng và danh sách cổ phiếu mới sẽ được công bố ngày 04/09/2026 và có hiệu lực ngày 21/09/2026.

Chúng tôi dự báo các quỹ ETF gồm VanEck Vietnam ETF, Xtrackers Vietnam Swap UCITS ETF và Fubon FTSE Vietnam ETF có thể bán mạnh VCK và VIC, với khối lượng lần lượt là 15.4 triệu cổ phiếu và 9.9 triệu cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, HPG, SSB và TPB có thể được mua nhiều nhất, với khối lượng lần lượt là 27.2 triệu, 12.5 triệu và 10.9 triệu cổ phiếu.

Nếu tính theo giá trị, VIC có thể bị bán nhiều nhất với 2.1 nghìn tỷ đồng. Ở chiều ngược lại, HPG, FPT và STB được mua nhiều nhất, với giá trị lần lượt là 606 tỷ đồng, 533 tỷ đồng và 393 tỷ đồng.

Analysts who prepared this report are registered as research analysts in Vietnam but not in any other jurisdiction, including the U.S.
PLEASE SEE ANALYST CERTIFICATIONS AND IMPORTANT DISCLOSURES & DISCLAIMERS AT THE END OF THIS REPORT.

Research Dept
Researchdept@kisvn.vn

Số lượng cổ phiếu dự kiến mua/bán của VanEck Vietnam ETF, Xtrackers Vietnam Swap UCITS ETF và Fubon FTSE Vietnam ETF (%, cổ phiếu, triệu VND)

STT	Quỹ / Mã	VanEck Vietnam ETF			Xtrackers Vietnam Swap			Fubon FTSE Vietnam ETF			Thay đổi	
		Tỷ trọng hiện tại	Tỷ trọng mới	Thay đổi khối lượng	Tỷ trọng hiện tại	Tỷ trọng mới	Thay đổi khối lượng	Tỷ trọng hiện tại	Tỷ trọng mới	Thay đổi khối lượng	Thay đổi khối lượng ròng	Thay đổi giá trị ròng
1	BAF	0.6	0.5	(98,254)	-	-	-	-	-	-	(98,254)	(3)
2	BID	-	-	-	1.4	2.4	2,172,495	2.6	1.9	(1,602,552)	569,943	21
3	BSR	-	-	-	-	-	-	1.1	1.2	534,828	534,828	15
4	BVH	0.6	0.4	(376,360)	-	-	-	0.6	0.5	(117,146)	(493,506)	(32)
5	CEO	0.4	-	(3,659,183)	-	-	-	-	-	-	(3,659,183)	(49)
6	DCM	0.4	0.4	(67,943)	0.2	0.3	147,830	-	-	-	79,887	3
7	DGC	0.8	0.7	(47,987)	0.6	0.7	87,158	-	-	-	39,170	2
8	DIG	0.4	0.4	(424,388)	0.4	0.6	1,024,263	-	-	-	599,875	7
9	DPM	0.5	0.5	213,554	0.3	0.4	366,880	-	-	-	580,434	13
10	DXG	0.4	0.7	3,237,637	1.3	0.8	(3,211,824)	-	-	-	25,814	0
11	EIB	0.9	0.9	5,721	-	-	-	1.0	1.1	554,171	559,892	10
12	FPT	2.5	5.4	5,418,575	5.4	7.1	2,044,504	-	-	-	7,463,079	533
13	FRT	-	-	-	-	-	-	1.3	1.5	96,548	96,548	14
14	FTS	0.5	-	(2,745,509)	-	-	-	-	-	-	(2,745,509)	(62)
15	GEE	1.0	0.5	(921,942)	-	-	-	-	-	-	(921,942)	(62)
16	GEX	1.4	1.5	586,508	3.1	3.3	684,453	1.7	1.9	695,361	1,966,322	52
17	HAG	0.9	0.8	(516,405)	0.7	0.6	(664,281)	-	-	-	(1,180,686)	(17)
18	HPG	4.6	7.0	14,521,154	6.8	7.7	3,374,799	7.7	10.0	9,323,960	27,219,912	606
19	HSG	0.4	0.4	35,954	-	-	-	-	-	-	35,954	0
20	HUT	0.7	0.6	(709,663)	-	-	-	-	-	-	(709,663)	(9)
21	HVN	0.6	0.5	(280,737)	-	-	-	-	-	-	(280,737)	(6)
22	IDC	0.5	0.6	625,527	-	-	-	-	-	-	625,527	20
23	KBC	1.1	1.1	378,298	1.1	1.1	127,964	1.3	1.4	416,722	922,984	25
24	KDC	0.5	0.6	133,434	-	-	-	-	-	-	133,434	7
25	KDH	0.5	0.9	3,102,444	-	-	-	1.0	-	(5,191,055)	(2,088,611)	(39)
26	MCH	5.7	3.3	(2,338,052)	-	-	-	-	4.1	2,710,648	372,597	52
27	MSB	1.1	1.3	1,882,527	-	-	-	-	-	-	1,882,527	30
28	MSN	5.8	5.5	(610,308)	2.9	4.2	1,493,204	4.8	6.9	2,738,957	3,621,853	254
29	NAB	0.7	0.7	(251,917)	-	-	-	-	-	-	(251,917)	(3)
30	NKG	-	-	-	0.2	-	(1,875,867)	-	-	-	(1,875,867)	(21)
31	NVL	1.4	1.4	236,915	1.1	2.4	8,486,444	-	-	-	8,723,359	118
32	PDR	0.6	0.6	277,017	0.5	0.5	312,687	-	-	-	589,704	8
33	PLX	-	-	-	-	-	-	0.3	0.5	676,121	676,121	26
34	POW	0.8	0.7	(724,296)	-	-	-	1.1	0.9	(1,409,138)	(2,133,434)	(29)
35	PVD	0.7	0.8	677,113	0.4	0.6	735,821	-	-	-	1,412,934	27
36	PVS	0.7	0.9	697,526	-	-	-	-	-	-	697,526	27
37	SAB	0.6	0.6	(15,579)	-	-	-	0.6	0.7	203,263	187,684	9
38	SBT	1.0	1.2	1,235,547	-	-	-	-	-	-	1,235,547	30
39	SHB	1.5	1.7	2,500,571	6.5	6.6	1,006,206	1.8	2.2	3,115,475	6,622,253	80
40	SHS	0.6	0.6	503,440	-	-	-	-	-	-	503,440	8
41	SIP	0.6	0.5	(190,005)	-	-	-	-	-	-	(190,005)	(10)
42	SSB	-	1.4	12,501,103	-	-	-	-	-	-	12,501,103	194
43	SSI	4.3	4.0	(2,013,642)	5.3	6.1	3,068,803	4.8	5.0	1,155,325	2,210,486	47
44	STB	2.5	3.8	2,325,000	7.1	9.2	2,342,338	4.3	4.8	580,547	5,247,885	393
45	TCH	0.5	0.6	858,005	0.4	0.5	452,833	-	-	-	1,310,838	17
46	TCX	2.2	1.5	(2,364,296)	-	-	-	1.6	1.9	607,005	(1,757,291)	(72)
47	TPB	-	1.1	10,113,931	-	-	-	1.2	1.4	861,088	10,975,019	160
48	VCB	5.0	4.9	(179,116)	-	-	-	5.2	6.1	1,469,402	1,290,285	76
49	VCG	0.6	0.5	(613,655)	-	-	-	-	-	-	(613,655)	(10)
50	VCI	2.1	1.7	(2,282,263)	2.4	2.6	849,604	2.1	2.2	170,385	(1,262,274)	(28)
51	VCK	3.9	1.7	(9,929,112)	-	-	-	3.9	2.1	(5,548,316)	(15,477,428)	(470)
52	VHC	0.6	0.4	(410,188)	-	-	-	-	-	-	(410,188)	(22)
53	VHM	8.3	8.0	(497,280)	9.1	12.3	3,714,953	13.6	10.0	(4,453,290)	(1,235,617)	(91)
54	VIC	9.3	8.0	(806,707)	28.1	15.0	(5,139,475)	19.4	10.0	(4,018,575)	(9,964,757)	(2,137)
55	VIX	3.3	3.2	(1,451,678)	4.2	4.8	3,918,349	3.7	4.0	1,974,947	4,441,617	61
56	VJC	2.3	2.6	306,624	2.9	2.3	(410,912)	2.7	3.2	396,672	292,384	36
57	VND	1.9	1.7	(1,333,050)	2.0	2.6	2,985,292	1.9	2.2	1,644,979	3,297,221	55
58	VNM	5.5	4.7	(1,604,921)	2.5	3.6	1,477,374	4.6	6.0	2,017,345	1,889,798	119
59	VPI	0.8	0.9	208,201	-	-	-	-	-	-	208,201	13
60	VPL	1.9	1.9	(106,159)	-	-	-	-	2.3	2,788,566	2,682,406	206
61	VPX	1.0	0.9	(459,296)	-	-	-	1.0	1.1	386,808	(72,487)	(2)

Nguồn: Bloomberg, FiinproX, KIS Research

Ghi chú: Dữ liệu tại ngày 26/08/2026

■ **Nguyên tắc đánh giá của KIS Vietnam Securities Corp. với cổ phiếu dựa trên lợi nhuận kỳ vọng trong 12 tháng tới**

- MUA: Tổng lợi nhuận kỳ vọng là 15% hoặc hơn.
- Nắm giữ: Tổng lợi nhuận kỳ vọng từ -5% đến 15%.
- Bán: Tổng lợi nhuận kỳ vọng là -5% hoặc thấp hơn.
- KIS Vietnam Securities Corp. không cung cấp giá mục tiêu với cổ phiếu khuyến nghị Nắm giữ hoặc Bán.

■**Nguyên tắc đánh giá của KIS Vietnam Securities Corp. với ngành trong 12 tháng tới**

- Nâng tỷ trọng: Khuyến nghị tăng tỷ trọng của ngành trong danh mục so với tỷ trọng dựa trên vốn hóa của ngành trong VNIndex.
- Trung lập: Khuyến nghị giữ tỷ trọng của ngành trong danh mục bằng với tỷ trọng dựa trên vốn hóa của ngành trong VNIndex.
- Giảm tỷ trọng: Khuyến nghị giảm tỷ trọng của ngành trong danh mục so với tỷ trọng dựa trên vốn hóa của ngành trong VNIndex.

■ **Xác nhận của chuyên viên phân tích**

Chúng tôi, chuyên viên phân tích thực hiện báo cáo này, xác nhận rằng báo cáo phản ánh chính xác quan điểm cá nhân của chúng tôi về công ty được phân tích trong báo cáo. Chúng tôi cũng xác nhận rằng chúng tôi đã, đang và sẽ không nhận được các khoản lợi ích cá nhân nào, liên quan đến khuyến nghị và quan điểm trong báo cáo, một cách trực tiếp hoặc gián tiếp.

Miễn Trừ Trách Nhiệm

Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing cho chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi phòng phân tích của KIS Vietnam Securities Corp., công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiên và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của KIS Vietnam Securities Corp..

Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. KIS Vietnam Securities Corp. không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. KIS Vietnam Securities Corp., hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của KIS Vietnam Securities Corp.. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.

Bản quyền ⓒ 2026 của KIS Vietnam Securities Corp.. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của KIS Vietnam Securities Corp..